

Kategorie	délka	převýšení	počet kontrol
HDR	2,4	80.0	6
D10N	2,4	80.0	7
D10C	2,0	80.0	8
D12C	2,1	90.0	9
D14C	2,7	90.0	12
D16C	2,9	115.0	14
D18C	3,7	150.0	14
D21C	3,9	150.0	19
D35C	3,4	130.0	16
D45C	3,3	125.0	16
D55C	2,8	95.0	15
D65C	2,5	90.0	11
H10N	2,4	80.0	7
H10C	2,3	90.0	11
H12C	2,3	95.0	11
H14C	3,0	110.0	14
H16C	3,5	140.0	16
H18C	3,9	150.0	17
H21C	5,0	195.0	23
H35C	4,2	140.0	18
H45C	3,8	120.0	18
H55C	3,1	110.0	15
H65C	2,9	100.0	15
H75C	2,7	95.0	13
P	2,8	100.0	11